

### III<sup>1</sup>

Bấy giờ, Thế Tôn nói với A-nan:

“Vua Đại Thiện Kiến thâm nghĩ: ‘Ta sẵn chứa công đức gì, tu được điều lành gì mà nay được quả báo đẹp đẽ như thế?’ Vua lại nhớ rằng nhờ ba nhân duyên mà gây được phúc báo đó. Ba nhân duyên ấy là gì? Một là Bố thí, hai là Trì giới, ba là Thiền tứ. Vua lại suy nghĩ: ‘Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật.’ Rồi vua liền sai gọi ngọc nữ Hiền Thiện đến, bảo rằng: ‘Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật.’ Ngọc nữ đáp: ‘Kính vâng. Xin tuân lời Đại vương dạy.’ Rồi sắc lệnh cho cả trong ngoài từ nay miễn sự châu hầu. Vua liền lên pháp điện, vào tòa lầu bằng vàng, ngồi trên giường ngự bằng bạc, tư duy tham dục là ác bất thiện. Với giác và quán<sup>2</sup>, có hỷ và lạc phát sanh từ sự viển ly, chứng đắc thiền thứ nhất. Trừ giảm giác và quán, nội tín, hoan duyệt<sup>3</sup>, nhiếp tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh,

<sup>1</sup> Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 4, “Du Hành kinh Đệ nhị hậu” (Đại I, tr.23c-30b). Tham chiếu *Trung A-hàm*, kinh số 68, “Đại Thiện Kiến Vương kinh”; Pāli: D.17 Mahāśudassana-suttanta (Deva Dīg ii. 4).

<sup>2</sup> Giác 覺 và quán 觀, hay cũng nói là tầm 尋 và tứ 伺; Pāli: vitakka (Skt.: vitarka) và vicāra (Skt.: id.).

<sup>3</sup> Nội tín hoan duyệt 內信歡悅. Nghĩa không chính xác. Đối chiếu Pāli: ajjham sampasādana, Skt.: adhyātma-samprasādana. Chân Đế dịch: Nội trũng tịnh 內澄淨; Huyền Trang: Nội đẳng tịnh 內等淨. Do sampasādana (samprasādana) vừa có nghĩa sự tịch tĩnh, vừa có nghĩa sự hoan hỷ. Trong trạng thái thiền, đây nên hiểu là sự an tịnh nội tâm.

chứng thiền thứ hai. Xả hỷ thủ hộ<sup>4</sup> chuyên niệm không loạn, tự cảm biết thân lạc, điều mà Hiền thánh mong cầu, cùng hành với hộ, niệm và lạc<sup>5</sup>, chứng đắc thiền thứ ba. Xả bỏ khổ và lạc, trừ diệt ưu và hỷ từ trước, không khổ, không lạc, hộ và niệm thanh tịnh<sup>6</sup>, chứng đắc thiền thứ tư.

“Rồi vua Thiện Kiến rời khỏi giường ngự bằng bạc, ra khỏi lầu vàng, đi đến lầu Đại chánh, ngồi trên giường lưu ly tu tập về Từ tâm, rải lòng từ đầy khắp một phương này rồi đến một phương khác cũng vậy, trùm khắp, rộng lớn, không hai, không hạn lượng, trừ mọi sân hận, tâm không còn chút ganh ghét, mà vui điều tĩn mặc từ nhu. Rồi tiếp tu về Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế.

“Bấy giờ, ngọc nữ báu thẩm tự suy nghĩ: ‘Đã lâu không thấy tôn nhan, tưởng nên đến hầu thăm một phen. Nay nên diện kiến đức vua.’ Rồi ngọc nữ báu Hiền Thiện nói với tám vạn bốn ngàn các thể nữ rằng: ‘Các người mỗi người hãy tắm gội nước thơm, trang điểm y phục. Sở dĩ như vậy vì đã lâu chúng ta không gặp tôn nhan, nên hãy hầu thăm một phen.’ Thể nữ nghe thế, thấy đều trang điểm y phục, tắm gội sạch sẽ. Rồi ngọc nữ nói với chủ binh báu thần tập họp bốn chủng quân, rằng: ‘Đã lâu chúng ta không gặp tôn nhan, nên hãy hầu thăm một phen.’ Chủ binh báu thần liền tập họp bốn chủng quân, thưa với ngọc nữ báu: ‘Bốn chủng quân đã tập. Nên biết thời.’ Rồi ngọc nữ báu dẫn tám vạn bốn ngàn thể nữ, cùng với bốn thứ quân đi đến vườn Kim-đa-lân<sup>7</sup>. Âm thanh chấn động của đại chúng vang đến vua. Nghe thế, vua đi đến cửa sổ để xem. Ngọc nữ báu lúc ấy đứng một bên trước cửa. Thấy ngọc nữ báu, vua liền nói:

<sup>4</sup> Xả hỷ thủ hộ 捨喜取護, nghĩa không chính xác. Đối chiếu Pāli: pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati, lia bỏ hỷ, an trú xả. Upekkhaka (Skt.: upekṛaka), xả, trong bản Hán trên được hiểu là thủ hộ, có lẽ do động từ căn, Skt.: upa-ik, vừa có nghĩa trông mong, vừa có nghĩa không quan tâm.

<sup>5</sup> Nguyên văn: tự tri thân lạc Hiền thánh sở cầu hộ niệm lạc hành 自知身樂賢聖所求護念樂行, đoạn văn tối nghĩa. Đối chiếu Pāli: sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti yam tam āriyā ācikkhanti upekkhako satimā sukhavihārī: cảm nghiệm lạc bằng tự thân, điều các bậc Thánh nói là sự an trú lạc cùng với xả và niệm. Trong đây, ācikkhanti, vừa có nghĩa nói, vừa có nghĩa tìm tòi. Hán: lạc hành; Pāli: sukhavihārī: sống an lạc hay an trú trong cảm giác lạc.

<sup>6</sup> Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨; Pāli: upekkhāsāti parisuddhim, xả niệm thanh tịnh. Xem cht. 125.

<sup>7</sup> Kim-đa-lân viên 金多鄰園, vườn cây Đa-la (Pāli: Tāla) bằng vàng.

‘Người khởi bước tới. Ta sẽ ra xem.’ Vua Thiện Kiến rời tòa pha lê, ra khỏi lầu Đại chánh, đi xuống Chánh pháp điện, cùng với ngọc nữ đi đến vườn Đa-lân, ngồi lên chỗ soạn sẵn. Lúc ấy dung sắc vua Thiện Kiến tươi sáng hơn hẳn bình thường. Ngọc nữ báu Hiền thiện tự nghĩ: ‘Nay, sắc mặt Đại vương hơn hẳn bình thường. Có điềm lạ gì chăng?’ Rồi ngọc nữ báu tâu vua: ‘Đại vương, nay nhan sắc khác thường. Há không phải là điềm sắp xả thọ mạng chăng? Nay tám vạn bốn ngàn voi này, bạch tượng bảo là bạch nhất, được trang sức bằng vàng bạc, với bảo châu làm tua dải; tất cả là sở hữu của vua. Mong vua lưu ý một chút, cùng chung vui hưởng, chớ xả bỏ tuổi thọ mà bỏ rơi vạn dân. Lại tám vạn bốn ngàn ngựa, lực mã vương bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn cỗ xe, kim luân bảo bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn minh châu, thần châu bảo bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn cư sĩ, cư sĩ báu bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn Sát-ly, chủ binh báu là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn thành, Câu-thi thành bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn cung điện, chánh pháp điện bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn tòa lầu, đại chánh lầu bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn tòa ngôi, bảo sức tòa bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn ức y, nhu nhuyễn y bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn thức ăn, mỗi vị đều quý hiếm. Hết thấy bảo vật ấy đều thuộc về vua. Mong vua lưu ý một chút, cùng chung vui thú, chớ xả thọ mạng, bỏ rơi vạn dân.’

“Vua Thiện Kiến nói với ngọc nữ báu: ‘Từ trước đến nay, người cung phụng ta một cách từ hòa kính thuận, chưa bao giờ nói lời thô lậu, sao nay người lại có lời ấy?’ Ngọc nữ tâu: ‘Chẳng hay lời ấy có gì không thuận.’ Vua nói: ‘Những thứ mà người vừa nói, voi, ngựa, xe cộ, đèn đài, y phục, hào soạn quý báu kia đều vô thường, không giữ gìn lâu được, mà khuyên ta lưu lại hưởng thụ, như thế có thuận chăng?’ Ngọc nữ tâu: ‘Chẳng hay phải nói thế nào mới là thuận?’ Vua bảo: ‘Giá người nói, các thứ voi, ngựa xe cộ, đèn đài, y phục, hào soạn đều vô thường, không giữ gìn lâu được, mà khuyên ta đừng mê luyện đến làm gì cho lao thần tổn tứ. Vì mạng vua chẳng còn bao lâu sẽ qua đời khác. Hễ có sanh tất có chết, có hợp tất có ly, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy hãy cắt đứt ân ái để chuyên tâm vào đạo lý. Nếu người nói như thế mới là kính thuận.’

“Này A-nan, nghe lời vua dạy như thế, ngọc nữ buồn khóc than thở, gạt nước mắt mà nói: ‘Các thứ voi, ngựa xe cộ, đèn đài, y phục, hào soạn đều vô thường, không giữ gìn lâu được, đừng mê luyện đến

làm gì cho lao thân tổn tứ. Vì mạng vua chẳng còn bao lâu sẽ qua đời khác. Hễ có sanh tất có chết, có hợp tất có ly, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy hãy cắt đứt ân ái để chuyên tâm vào đạo lý’.

“Này A-nan, ngọc nữ báu kia vừa nói xong giây lát, Thiện Kiến vương bỗng nhiên mệnh chung, không chút đau khổ, như kẻ trảng sĩ trong một bữa ăn ngon, hồn thân sanh lên cõi trời Phạm thiên thứ bảy.

“Sau khi vua băng hà bảy ngày, các thứ luân bảo, thần châu biến mất, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, quân binh báu cũng một ngày chết hết; thành ao, pháp điện, đền đài, các thứ trang sức bằng báu, vườn Kim-đà-lân, đều biến thành gỗ, đất.”

Phật bảo A-nan:

“Này A-nan, pháp hữu vi này là vô thường, biến dịch, chung qui hao mòn, hoại diệt. Tham dục không chán. Mạng người tiêu tán. Mê say ân ái không hề biết đủ. Chỉ người nào chứng đắc Thánh trí, thấy rõ đạo lý, mới biết đủ mà thôi.

“Này A-nan, Ta nhớ đã từng ở nơi này, Ta sáu lần tái sanh làm Chuyển luân thánh vương và cuối cùng bỏ xác tại chỗ này. Nay Ta thành Vô thượng chánh giác, lại cũng muốn xả bỏ tánh mạng, gởi thân tại đây. Từ nay về sau, Ta đã dứt tuyệt sanh tử, không còn có chỗ nào là nơi bỏ xác Ta nữa. Đây là kiếp cuối cùng. Ta không còn thọ sinh trở lại nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn tại thành Câu-thi-na-kiệt, Bản sanh xứ, trong vườn Sa-la, giữa hai cây song thọ, vào lúc sắp gần diệt độ, nói với A-nan rằng:

“Này A-nan! Người hãy vào thành Câu-thi-na-kiệt, báo tin cho những người Mạt-la rằng: ‘Chư Hiền nên biết, Như Lai nửa đêm nay sẽ vào Niết-bàn tại giữa cây Song thọ trong vườn Sa-la. Các người nên kịp thời đến thưa hỏi các điều nghi ngờ và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi hối hận ăn năn.’”

A-nan vâng lời Phật dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà đi. Cùng với một Tỳ-kheo khác, nước mắt chảy ròng, mà vào thành Câu-thi-na. Khi vào thành gặp năm trăm người Mạt-la có chuyện đang họp cả một chỗ. Họ thấy A-nan đến, đều đứng dậy chào hỏi rồi đứng về một bên và bạch rằng:

“Không hiểu Tôn giả có việc gì mà phải vào thành lúc chiều tối thế này?”

A-nan rơi lệ vừa nói:

“Ta vì ích lợi các người, đến tin các người hay Đức Như Lai đến nửa đêm<sup>8</sup> nay sẽ vào Niết-bàn. Các người nên kịp thời đến thưa hỏi những điều hoài nghi, trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi ăn năn.”

Vừa nghe xong, những người Mạt-la cất tiếng kêu than, vật vã xuống đất, có người ngất đi tỉnh lại. Ví như cây lớn khi trốc gốc thì các nhánh cành đều đổ gãy. Họ đồng than:

“Phật diệt độ sao mà nhanh thế! Phật diệt độ làm sao nhanh thế! Con mắt của thế gian mà diệt mất, thì chúng sanh bị suy hại lâu dài.”

A-nan an ủi họ:

“Thôi các người chớ buồn! Trời đất muôn vật hễ có sanh đều có chết. Muốn cho pháp hữu vi tồn tại mãi là điều không thể có được. Phật há chẳng dạy: Có hợp tất có ly, có sanh tất có diệt đó sao!”

Rồi thì, các người Mạt-la bảo nhau:

“Chúng ta hãy về nhà, đem cả gia thuộc và năm trăm khối vải trắng, cùng đến Song thọ.”

Những người Mạt-la ai về nhà nấy, rồi đem cả gia thuộc và mang cả năm trăm tấm lụa trắng ra khỏi thành Câu-thì, đến giữa rừng Song thọ và đi đến chỗ A-nan. A-nan vừa trông thấy từ xa, thầm nghĩ: ‘Bọn họ rất đông. Nếu để cho từng người một vào yết kiến Phật, e rằng chưa khắp hết thì Như Lai đã diệt độ rồi! Ta nên bảo họ vào đầu hôm<sup>9</sup> đồng một lượt đến bái yết Phật.’”

A-nan liền dắt năm trăm người Mạt-la và gia thuộc đến trước Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch rằng:

“Nay có các Mạt-la tên như thế và gia thuộc, xin thăm hỏi Đức Thế Tôn sức khoẻ có bình thường không?”

Phật nói:

**“Phiền các người đến thăm. Ta chúc cho các người sống lâu, vô bệnh.”**

A-nan bằng cách đó đã có thể dẫn hết các người Mạt-la và gia thuộc của họ vào thăm Phật. Khi ấy, các Mạt-la đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên.

Thế Tôn thuyết giảng cho họ về vô thường, chỉ bày, giáo huấn

<sup>8</sup> Hán: dạ bán 夜半; Pāli, sdd.: rattiyā pacchima yāma, cuối đêm.

<sup>9</sup> Hán: tiền dạ 前夜; Pāli: pathama yamā, canh thứ nhất.

khiến cho được lợi ích, hoan hỷ.

Nghe pháp xong, các Mạt-la ai nấy vui mừng liền đem năm trăm khổ vải trắng dâng Phật. Phật thụ lãnh. Các Mạt-la rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ Phật rồi lui ra.

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một vị Phạm chí tên Tu-bạt<sup>10</sup> là bậc kỳ cựu đa trí, đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe Đức Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ, ông tự nghĩ: ‘Ta có điều hoài nghi về giáo pháp. Chỉ có Đức Cù-đàm mới giải được ý ta. Ta nên kịp thời gắng đi đến Phật.’ Ngay đêm ấy ông gắng ra khỏi thành đi đến Song thọ, đến chỗ A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ông thưa:

**“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm sắp vào Niết-bàn đêm nay, nên đến đây mong được bái yết một lần. Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp, mong được gặp Cù-đàm để Ngài giải quyết cho. Vậy Ngài có được rỗi rảnh cho tôi vào bái yết không?”**

A-nan bảo:

“Thôi đừng Tu-bạt! Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài.”

Tu-bạt cố nài xin đến ba lần rằng:

“Tôi nghe Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm<sup>11</sup>, rất lâu mới xuất hiện<sup>12</sup>, nên đến đây mong bái yết để được giải quyết nghi ngờ. Ngài có rỗi rảnh cho tôi gặp một lát được không?”

A-nan cũng vẫn trả lời như trước:

“Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài.”

Khi ấy Phật bảo A-nan:

“A-nan, người chớ ngăn cản. Hãy để cho ông ấy vào. Ông muốn giải quyết sự nghi ngờ, không có gì phiền nhiễu. Nếu nghe được pháp của ta, ắt được tỏ rõ.”

A-nan liền bảo Tu-bạt:

“Nếu ông muốn vào thăm Phật, xin mời vào.”

<sup>10</sup>. Tu-bạt-đa-la 須拔多羅; Pāli: Subhaddaparibbājaka, du sĩ Subhada. Các âm khác: Tu-bạt-đa 須拔陀, Tu-bạt-đa-la 須拔陀羅, Tô-bạt-đa-la 蘇拔多羅; No.7: ngoại đạo Tu-bạt-đa-la.

<sup>11</sup>. Ưu-đàm hay Ưu-đàm-bát 優曇鉢; Pāli: Udumbara.

<sup>12</sup>. Hán: thời thời nãi xuất 時時乃出, nên hiểu đúng là thời nhất xuất hiện 時一出現.

Tu-bạt được vào, chào hỏi Phật xong, ngồi một bên và bạch Phật:

“Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp. Ngài có rỗi rảnh giải quyết cho chỗ vướng mắc không?”

Phật nói: “Ông cứ tùy ý hỏi”.

Tu-bạt hỏi:

“Bạch Cù-đàm, có những giáo phái khác, họ tự xưng bậc thầy, như các ông Phất-lan Ca-diếp<sup>13</sup>, Mạt-già-lê Kiêu-xá-lợi<sup>14</sup>, A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la<sup>15</sup>, Ba-phù Ca-chiên<sup>16</sup>, Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất<sup>17</sup>, Ni-kiền Tử<sup>18</sup>. Những thầy đó đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không?”

Phật đáp: “Thôi thôi khỏi nói, những giáo pháp ấy Ta đều rõ cả. Nay Ta sẽ vì người nói đến pháp thâm diệu, người hãy lắng nghe và khôn khéo suy nghiệm. Nay Tu-bạt! Trong giáo pháp nào nếu không có tám Thánh đạo thời ở đó không có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong giáo pháp nào có tám Thánh đạo thời ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có tám Thánh đạo nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong các chúng ngoại đạo không có”.

Rồi Thế Tôn đọc bài kệ:

*Ta hai mươi chín tuổi,  
Xuất gia tìm Chánh đạo.  
Từ khi Ta thành Phật,  
Đến nay năm mươi năm.  
Các hạnh giới, định, tuệ,  
Một mình Ta tư duy.  
Nay Ta giảng pháp yếu:*

<sup>13</sup>. Phất (bất)-lan Ca-diệp 弗 (不) 闍迦葉; TNM: Phú-lan Ca-diệp 富闍迦葉; Pāli: Pūraṇa-Kassapa.

<sup>14</sup>. Mạt-già-lê Kiêu-xá-lợi 末伽梨橋舍利, TNM: Mạt-già-lê Kiêu-xá-lê (...) 梨; Pāli: Makkhali-Gosala.

<sup>15</sup>. A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la 阿浮陀翅舍金拔羅, Tống, Nguyên: A-tỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿毗陀翅舍欽婆羅; Minh: A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿耆多翅舍欽婆羅; Pāli: Ajita-Kesakambalā.

<sup>16</sup>. Ba-phù Ca-chiên 波浮迦旃; Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

<sup>17</sup>. Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất 薩若毗耶梨弗; Pāli: Sañjaya Belatṭhi-putta.

<sup>18</sup>. Ni-kiền Tử 尼乾子; Pāli: Nigaṇṭha-Nāṭa-putta.

Phật bảo:

“Này Tu-bạt! Nếu các Tỳ-kheo thấy đều có thể tự nhiếp tâm thời cõi thế gian này không trống vắng A-la-hán.

Khi ấy Tu-bạt thưa với A-nan:

“Những ai theo đức Sa-môn Cù-đàm đã tu hành phạm hạnh, hiện đang tu hành và sẽ tu hành, thấy đều có lợi ích lớn. A-nan, ông theo Như Lai tu hành phạm hạnh cũng được lợi ích lớn. Tôi nay được gặp mặt Như Lai, hỏi những điều nghi ngờ, cũng được lợi ích lớn. Nay Như Lai cũng đã ký biệt cho tôi như là ký biệt cho đệ tử.<sup>19</sup>”

Rồi ông bạch Phật:

“Tôi nay có thể ở trong pháp của Như Lai mà xuất gia thọ giới Cụ túc được chăng?”

Phật nói:

“Này Tu-bạt, nếu có dị học Phạm chí muốn tu hành ở trong giáo pháp của ta, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi họ, chí nguyện, tánh nết họ. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ Cụ túc giới ở trong giáo pháp Ta. Tuy vậy, này Tu-bạt, còn tùy thuộc hành vi của mỗi người.”

Tu-bạt lại bạch Phật:

“Dị học Phạm chí muốn tu hành ở trong Phật pháp, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi, chí nguyện, tánh nết. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ Cụ túc giới ở trong Phật pháp. Nay tôi có thể phục dịch bốn năm ở trong Phật pháp, khi đủ các oai nghi không còn gì thiếu sót mới xin thọ Cụ túc giới.”

Phật dạy:

“Này Tu-bạt, Ta đã nói trước rồi. Còn tùy thuộc hành vi của mỗi người.”

Ngay trong đêm đó, Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng: “Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, chứng đắc như thật trí, không còn tái sinh”. Lúc gần nửa đêm, ông đã chứng quả A-la-hán, là đệ tử cuối cùng của Phật và diệt độ trước Phật.

<sup>19</sup> Nguyên văn: kim giả Như Lai tác vi dĩ đệ tử biệt nhi biệt ngã dĩ 今者如來則為以弟子別而別我已. Bản Toáng: biệt 別, các bản khác: 荊 biệt với bộ thảo 艸.



Bấy giờ, A-nan đứng hầu sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giưỡng than khóc, rằng:

“Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Thế Tôn diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao nhanh quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đọa lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!”

Khi ấy Đức Thế Tôn dù biết mà cố hỏi:

“Tỳ-kheo A-nan đâu rồi?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giưỡng than khóc, rằng: ‘Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao mau quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đọa lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!’”

Phật bảo A-nan:

“Thôi thôi, A-nan, chớ có buồn phiền than khóc. Từ trước đến nay người hầu hạ Ta với cử chỉ từ hòa, ngôn ngữ kính ái và tâm niệm hoan hỷ thủy chung như một, không sao xiết kể. Ấy là người đã cúng dường Ta, công đức rất lớn. Nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn và Bà-la-môn cũng không sao sánh bằng được. Người hãy siêng năng lên, ngày thành đạo của người không lâu nữa!”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng chỉ như A-nan. Đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng đệ tử hầu hạ của chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết. Còn A-nan nay, Ta vừa đưa mắt là đã biết Như Lai cần muốn gì. Đó là điều hy hữu của A-nan, các ông nhớ lấy.

“Chuyển luân thánh vương có bốn pháp đặc biệt, kỳ lạ ít có. Những gì là bốn? Khi Thánh vương đi, người dân khắp cả nước đều đến nghinh đón; thấy vua rồi thì hoan hỷ, nghe lời dạy cũng hoan hỷ, chiêm ngưỡng uy nhan không hề biết chán. Khi Thánh vương đứng, khi Thánh vương ngồi và khi Thánh vương nằm, quốc dân đều đến bái yết, được thấy vua họ vui mừng, được nghe vua họ vui mừng, họ trông ngắm dung nhan vua không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt của Chuyển luân thánh vương. A-nan cũng có bốn pháp đặc biệt ấy. Khi A-nan lặng lẽ đi vào chúng Tỳ-kheo, chúng đều hoan hỷ; thuyết pháp cho chúng, ai

nghe cũng hoan hỷ; nhìn ngắm nghi dung, nghe lời thuyết pháp không hề biết chán. Khi A-nan vào chúng Tỳ-kheo-ni, khi A-nan vào chúng Ưu-bà-tắc, khi A-nan vào chúng Ưu-bà-di, nơi nào được trông thấy A-nan cũng vui mừng, được nghe A-nan thuyết pháp cũng vui mừng; họ trông nhìn nghi dung và lời A-nan thuyết pháp không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt hy hữu của A-nan.”

Bấy giờ, A-nan trích áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Phật:

**“Thế Tôn, hiện nay các Sa-môn khắp bốn phương, gồm những vị kỳ cựu đa văn, thấu hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính và gận gũi hỏi han. Nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con không còn biết hỏi ai nữa, làm sao?”**

Phật bảo A-nan:

“Người chớ lo. Các con nhà dòng dõi<sup>20</sup> thường có bốn chỗ tưởng nhớ:

“1. Tưởng tới chỗ Phật sanh, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

“2. Tưởng tới chỗ Phật thành đạo, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

“3. Tưởng tới chỗ Phật chuyển Pháp luân đầu tiên, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

“4. Tưởng tới chỗ Phật vào Niết-bàn, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ.

“Này A-nan, sau khi ta diệt độ, trai hay gái con nhà dòng dõi nhớ nghĩ khi Phật giáng sinh có những công đức như thế, khi Phật đắc đạo có những thần thông như thế, khi Phật chuyển Pháp luân có những sự hóa độ như thế, khi Phật diệt độ có những lời di huấn như thế. Rồi mỗi người đi đến bốn chỗ đó kính lễ, dựng chùa tháp cúng dường. Khi chết đều được sanh lên cõi trời, chỉ trừ người đắc đạo.

“Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, có các người dòng họ Thích đến cầu đạo, hãy nhận cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc chớ để lâu. Những người Phạm

<sup>20</sup>. Hán: tộc tánh tử 族姓子, người thuộc trong bốn giai cấp. Cũng dịch là thiện gia nam tử 善家男子, hay thiện nam tử 善男子.

chí dị học đến cầu đạo cũng nhận cho xuất gia thọ giới Cụ túc, chớ có để thử qua bốn tháng. Vì những người kia vốn có học sẵn các luận thuyết khác, nếu để lâu thì các kiến giải trước của họ sẽ phát sanh lại.

Bấy giờ A-nan quỳ xuống, chấp tay bạch Phật:

“Tỳ-kheo Xiển-nộ<sup>21</sup> thô lỗ, tự chuyên, sau khi Phật diệt độ, phải đối xử thế nào?”

Phật dạy:

“Sau khi Ta diệt độ, nếu Tỳ-kheo Xiển-nộ không tuân oai nghi, không chịu nghe giáo huấn, các ông hãy cùng xử trị theo phép phạm-đàn<sup>22</sup> là truyền hết các Tỳ-kheo không ai được cùng nói chuyện, cùng tới lui, chỉ bảo, giúp đỡ.”

A-nan lại bạch Phật: “Sau khi Phật diệt độ, các hạng nữ nhân đến thọ giáo huấn<sup>23</sup> cần được đối xử như thế nào?”

Phật dạy:

“Đừng gặp họ.”

“Giả sử phải gặp thì làm sao?”

“Chớ cùng nói chuyện.”

“Giả sử phải cùng nói chuyện thì làm sao?”

“Hãy tự thu nhiếp tâm ý.

“Này A-nan, người chớ nghĩ sau khi Ta diệt độ, các người mất chỗ nương tựa, không ai che chở. Chớ có quan niệm như vậy. Nên biết những Kinh và Giới mà Ta đã dạy từ khi thành Đạo đến nay là chỗ nương tựa, che chở các người đó!

“Này A-nan, từ nay trở đi, cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ các giới cấm nhỏ nhặt. Kẻ trên, người dưới xưng hô nhau phải thuận lễ độ<sup>24</sup>.

<sup>21</sup>. Xiển-nộ 闍怒, tức Xa-nặc 闍匿, nguyên quân hầu ngự mã của Thái tử. Cũng phiên là Xiển-đà 闍陀, Xiển-na 闍那; Pāli: Channa.

<sup>22</sup>. Phạm-đàn phạt 梵檀伐; Pāli: Brahma-danda, trọng phạt, một trong mười ba tội Tăng-già-bà-thi-sa 僧伽婆尸婆 (Pāli: Sanghādisēṣa) theo luật Tỳ-kheo.

<sup>23</sup>. Vị thọ hối 未受悔: chưa nhận được sự giáo huấn. TNM: lai thọ hối 來受悔: đến thọ giáo huấn. Pāli, sdd.: (Deva Dig ii, tr.109): kathaṃ mayamaṃ (...) mātuḡāme paṭipajjāma, chúng con đối xử với những người nữ như thế nào? Hán: nữ nhân bối lai, có thể do mātuḡāma trong đó gāma thay vì hiểu là chủng loại, bản Hán hiểu là sự đi đến (do động từ gacchati: đi).

<sup>24</sup>. Bản Pāli, D.17 (Deva Dig ii, tr. 118), Trường I, tr. 663: Khi Phật còn tại thế, các Tỳ-kheo xưng hô với nhau là āvuso (huynh đệ, hiền giả, nhân giả). Sau khi Phật

Đó là pháp kính thuận của người xuất gia.”

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

**“Này các Tỳ-kheo, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn. Kịp lúc Ta còn, Ta sẽ giảng thuyết cho các người.**

Các Tỳ-kheo đều im lặng. Phật lại nói:

“Các người, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn.”

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. Phật lại nói:

“Nếu các người e ngại không dám hỏi, hãy mau nhờ các vị hiểu biết hỏi giúp cho; nên kịp thời để sau khỏi hối hận<sup>25</sup>.”

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. A-nan bạch Phật:

**“Con tin rằng đại chúng ở đây ai nấy đều đã có lòng tin thanh tịnh, không một ai còn hoài nghi về Phật, Pháp, Tăng và Chánh đạo nữa.**

Phật dạy:

“A-nan, Ta cũng biết trong chúng này dù một vị Tỳ-kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu đạo<sup>26</sup>, không còn đọa vào đường ác, chỉ trải qua bảy lần sanh lại cõi Dục này để tu hành là dứt hết thống khổ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm đệ tử đã được đạo quả.

Rồi Thế Tôn khoác lên uất-đa-la-tăng<sup>27</sup> để lộ cánh tay sắc màu vàng ròng, bảo với các Tỳ-kheo:

“Các người hãy quán sát rằng, Như Lai mỗi khi xuất thế, như hoa

---

diệt độ, Tỳ-kheo-niên trưởng nên gọi Tỳ-kheo nhỏ tuổi hơn bằng tên hay họ (nāmena vā gottena và); Tỳ-kheo nhỏ tuổi gọi Tỳ-kheo lớn tuổi hơn là bhante (đại đức) hay āyasma (trưởng lão, cụ thọ).

<sup>25</sup>. Trường I, tr.664: “Nếu có vị nào vì lòng kính trọng Bạc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỳ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau”.

<sup>26</sup>. Trường I, tr.665: “Tỳ-kheo thấp nhất đã chứng quả Dự lưu”.

<sup>27</sup>. Uất-đa-la-tăng 鬱多羅僧, tức thượng y 上衣: áo choàng; Pāli: uttarāsaṅga.

Ưu-đàm-bát<sup>28</sup> lâu lắm mới hiện một lần.”

Quan sát ý nghĩa này, Thế Tôn đọc bài kệ:

*Tay phải màu tử kim,  
Phật hiện như Linh thụ.  
Hành sinh diệt vô thường;  
Hiện diệt, chớ buông lung.*

“Thế nên các Tỳ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Chánh giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thấy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai.”

Thế rồi, Thế Tôn nhập Sơ thiền; rồi từ Sơ thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền xuất, nhập Không xứ định; từ Không xứ định xuất, nhập Thức xứ; từ Thức xứ định xuất, nhập vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ định xuất, nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định; từ Phi tướng phi phi tướng xứ định xuất, nhập Diệt thọ tướng định.

Lúc ấy A-nan hỏi A-na-luật<sup>29</sup>:

“Thế Tôn đã vào Niết-bàn rồi chăng?”

A-na-luật nói:

“Chưa, A-nan. Thế Tôn hiện đang ở trong định Diệt thọ tướng<sup>30</sup>. Tôi lúc trước được thân nghe từ Phật rằng, khi Phật từ Tứ thiền xuất mới vào Niết-bàn.”

Rồi Thế Tôn từ Diệt thọ tướng định xuất, nhập Phi tướng phi phi tướng, từ Phi tướng phi phi tướng xuất, nhập Vô sở hữu định; từ Vô sở hữu định xuất, nhập Thức xứ định; từ Thức xứ định xuất, nhập Không xứ định; từ Không xứ định xuất, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Sơ thiền; rồi lại từ Sơ thiền xuất lần lượt đến Tứ thiền, rồi từ Tứ thiền xuất, Phật vào Niết-bàn. Ngay lúc đó, cõi đất rung động, trời người kinh

<sup>28</sup>. Ưu-đàm-bát, hay Ưu-đàm-bát-la, hay Ô-tạm-bà-la, loại cây không hoa quả, loại cây họ sung (Ficus Glomerata). Cũng thường gọi là hoa Linh thụ.

<sup>29</sup>. A-na-luật, hay A-na-luật-đà 阿那律陀, hay A-nậu-lâu-đà 阿耨樓陀, có thiên nhãn đệ nhất; Pāli: Anurudha.

<sup>30</sup>. Diệt tướng định 滅想定, hay diệt thọ tướng định 滅受想定, đây đủ là tướng thọ diệt tận định 想受滅盡定; Pāli: saññāvedayita-nirodha-samādhī.

hoàng. Những chỗ tối tăm mà mặt trăng, mặt trời không rọi đến được đều được chói sáng. Chúng sanh ở đó trông thấy nhau và bảo nhau: ‘Người kia sinh ra người này! Người kia sinh ra người này!’ Ánh sáng ấy chiếu khắp, hơn cả ánh sáng của chư Thiên.

Bấy giờ, trời Đao-lợi, ở giữa hư không, dùng hoa Văn-đa-la, hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-ma-đầu, hoa Phân-đà-ly<sup>31</sup>, tán rải trên thân Phật và chúng hội. Rồi lại lấy bột hương Chiên-đàn tán rải trên thân Phật và chúng hội.

---

<sup>31</sup>. Văn-đa-la 文沱羅, TNM: Mạn-đa-la 曼陀羅, Pāli: Mandarāva (Thiên diệp hoa). Ba-đầu-ma 波頭摩, TNM: Bát-đầu-ma 鉢頭摩, Pāli: Paduma, Skt.: Padma. Câu-ma-đầu 拘摩頭, TNM: Câu-vật-đầu 拘勿頭; Pāli (Skt.: id.): Kumuda.